TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: *63/2019/HN - ST*
Ngày: *10 - 6 - 2019*
V/v tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Trước

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ *tham gia phiên toà:* Ông Phạm Thành Được - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2019/TLST - DS ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp "ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXXST - HN ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích N, sinh năm 1990 (Có mặt)

Trú tại: Số 190/11, ấp Hòa T, xã HN, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Lê Tấn P, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Trú tại: Số 190/11, ấp Hòa T, xã HN, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2019 và tại phiên tòa: Chị Trần Thị Bích N trình bày:

Chị và anh Lê Tấn P kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn, chị N và anh P sống chung với gia đình anh P. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng khoảng từ năm 2016 thì giữa chị N và anh P có nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cải vả, anh P không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng và có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn, nên chị N và anh P không còn sống chung từ tháng 02/2018 cho đến nay, chị N yêu cầu ly hôn với anh Lê Tấn P.

- Về con chung: Chị N và anh P có 01 con chung tên Lê Quang K, sinh ngày 01/02/2015, hiện đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Tấn P không có văn bản nêu ý kiến về các yêu cầu của chị N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 197 BLTTDS năm 2015.

- Việc xác định tư cách những người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS

- Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức lấy lời khai xác minh đúng quy định tại Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

- Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu hợp lệ, nhưng không có ý kiến và có mặt tại Tòa án để giải quyết là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Bích N được ly hôn với anh Lê Tấn P.

Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Quang K, sinh 01/02/2015 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Buộc chị N nộp 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "ly hôn, nuôi con", do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Tấn P được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Tấn P theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 67/2013, quyển số 01/2013, do Ủy ban nhân dân xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ cấp ngày 16/8/2013 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh bà Nguyễn Kim Loan là mẹ ruột của anh Lê Tấn P ngày 23/4/2019 trình bày: Sau khi kết hôn chị N và anh P sống chung với gia đình bà, trong thời gian chung sống giữa anh P và chị N thường xuyên cãi vã, anh P có quan hệ bất chính với người phụ nữa khác bên ngoài bị gia đình bà và chị N bắt gặp trong nhà trọ ở Vĩnh Long, anh P có cam kết với gia đình bà và chị N sẽ chấm mối quan hệ bất chính đó, nhưng anh P không thay đổi, từ đó chị N mang theo con về nhà cha mẹ ruột sống đã trên một năm.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng. Trên thực tế, đời sống hôn nhân giữa chị N và anh P không còn gắn bó, anh P không chung thủy với chị N, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng không còn, nên giữa chị N và anh P đã không còn sống chung với nhau từ năm 2018, mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần, nhưng anh P không tham gia, không có khả năng hàn gắn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh P.

[4] Về con chung: Xét, yêu cầu của chị N yêu cầu được nuôi cháu Lê Quang Kha, sinh ngày 01/02/2015 là có cơ sở chấp, bởi lẽ, cháu Kha hiện nay do chị N nuôi dưỡng, anh P không có ý kiến phản đối gì về yêu cầu nuôi con của chị N. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Lê Quang K, cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

[8] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Bích N được ly hôn với anh Lê Tấn P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Quang K, sinh ngày 01/02/2015 cho chị Trần Thị Bích N tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Bích N nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002239 ngày 19/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ qua.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị N quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Tấn P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chị cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú